

Số: *37091* /CT-HTr
V/v lựa chọn ưu đãi thuế TNDN
do thực hiện cam kết WTO.

Hà Nội, ngày *15* tháng *6* năm 2015

Kính gửi: Công ty cổ phần Woodland
Địa chỉ: Lô 11, Khu công nghiệp Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội
MST: 2500214518

Trà lời công văn số 165-15/CV-WL đề ngày 25/5/2015 của Công ty cổ phần Woodland (sau đây gọi là Công ty) về việc lựa chọn ưu đãi thuế TNDN do thực hiện cam kết WTO, Cục thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 2 Nghị định số 122/2011/NĐ-CP ngày 27/12/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế TNDN, quy định:

"2. Doanh nghiệp đang trong thời gian được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp do đáp ứng điều kiện ưu đãi về tỷ lệ xuất khẩu mà bị chấm dứt ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 do thực hiện cam kết WTO được lựa chọn để tiếp tục hưởng ưu đãi thuế cho thời gian ưu đãi còn lại tương ứng với các điều kiện thực tế doanh nghiệp đáp ứng ưu đãi đầu tư (ngoài điều kiện ưu đãi do đáp ứng điều kiện về tỷ lệ xuất khẩu, do sử dụng nguyên liệu trong nước) theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian từ ngày doanh nghiệp được cấp giấy phép thành lập đến trước ngày Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp có hiệu lực thi hành hoặc theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật về thu nhập doanh nghiệp tại thời điểm bị điều chỉnh ưu đãi thuế do thực hiện cam kết WTO (hết ngày 31 tháng 12 năm 2011).

Doanh nghiệp có trách nhiệm thông báo với cơ quan Thuế việc lựa chọn hưởng ưu đãi thuế quy định tại khoản này."

- Căn cứ Thông tư số 199/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 122/2011/NĐ-CP ngày 27/12/2011 của Chính phủ về việc chuyển đổi ưu đãi thuế TNDN đối với doanh nghiệp đang được hưởng ưu đãi thuế TNDN do đáp ứng điều kiện ưu đãi về tỷ lệ xuất khẩu mà bị chấm dứt theo cam kết WTO:

+ Tại Điều 2 hướng dẫn nguyên tắc lựa chọn chuyển đổi ưu đãi thuế TNDN.

+ Tại Điều 3 hướng dẫn phương thức lựa chọn chuyển đổi ưu đãi thuế TNDN.

+ Tại Điều 4 hướng dẫn thủ tục thực hiện chuyển đổi ưu đãi:

“Doanh nghiệp có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp việc lựa chọn phương án hưởng ưu đãi thuế theo Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

Thời hạn gửi thông báo bằng văn bản cho cơ quan thuế là thời hạn nộp tờ khai quyết toán thuế TNDN năm 2012 theo quy định.

Trường hợp doanh nghiệp đã kê khai hưởng ưu đãi thuế TNDN (kể cả đã thông báo với cơ quan thuế) mà mức ưu đãi lựa chọn thực hiện chuyển đổi thấp hơn mức ưu đãi quy định tại Thông tư này hoặc không phù hợp với việc lựa chọn chuyển đổi ưu đãi theo quy định tại Thông tư này thì được kê khai điều chỉnh bổ sung theo quy định tại Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành về quản lý thuế, đồng thời phải có văn bản thông báo lại cho cơ quan thuế việc lựa chọn mức ưu đãi phù hợp với việc chuyển đổi ưu đãi theo quy định tại Thông tư này.”

- Căn cứ Điều 7 Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01/10/2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế, bổ sung khoản 8, Điều 23, Thông tư số 78/2014/TT-BTC như sau:

“8. Doanh nghiệp còn thời gian hưởng ưu đãi thuế theo điều kiện về tỷ lệ xuất khẩu nhưng bị ngừng ưu đãi thuế do thực hiện cam kết với Tổ chức thương mại thế giới (WTO) đối với hoạt động dệt, may từ 11/01/2007 và hoạt động khác từ 01/01/2012 thì được lựa chọn kết hợp không đồng thời, không đồng bộ ưu đãi về thuế suất và thời gian miễn, giảm thuế để tiếp tục được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp cho thời gian còn lại kể từ năm 2007 đối với hoạt động dệt, may hoặc kể từ năm 2012 đối với hoạt động khác, tương ứng với các điều kiện ưu đãi thuế mà thực tế doanh nghiệp đáp ứng (ngoài điều kiện ưu đãi do đáp ứng điều kiện về tỷ lệ xuất khẩu, do sử dụng nguyên liệu trong nước) quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp có hiệu lực trong thời gian từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy phép thành lập đến trước ngày Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/2/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp có hiệu lực thi hành hoặc theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp tại thời điểm bị điều chỉnh ưu đãi thuế do thực hiện cam kết WTO.

Trường hợp doanh nghiệp đã lựa chọn phương án chuyển đổi theo văn bản trước đây (không phân biệt trường hợp doanh nghiệp đã hoặc chưa được kiểm tra, thanh tra thuế), nếu thực hiện chuyển đổi theo hướng dẫn tại Thông tư này có lợi hơn thì doanh nghiệp được phép lựa chọn chuyển đổi lại theo hướng dẫn tại Thông tư này. Doanh nghiệp thực hiện khai điều chỉnh, bổ sung theo quy định tại Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành về quản lý thuế và không bị xử lý vi phạm pháp luật về thuế đối với hành vi khai sai do điều chỉnh lại. Trường hợp sau khi khai điều chỉnh, bổ sung doanh nghiệp có số tiền thuế đã nộp lớn hơn số thuế phải nộp thì được bù trừ với số thuế phải nộp của kỳ thuế

tiếp theo hoặc được hoàn lại số đã nộp thừa theo quy định. Trường hợp doanh nghiệp đã thực hiện điều chỉnh theo cam kết WTO đối với hoạt động dệt may theo các văn bản trước đây nếu bị xử lý vi phạm pháp luật về thuế, tình tiền chậm nộp và doanh nghiệp đã thực hiện nộp tiền phạt và tiền chậm nộp thì không thực hiện điều chỉnh lại”.

- Căn cứ Giấy phép đầu tư số 19/GP-VP ngày 22/5/2002 do UBND tỉnh Vĩnh Phúc cấp phép thành lập doanh nghiệp liên doanh (Công ty liên doanh Woodland) theo quy định của Luật đầu tư nước ngoài và các Giấy phép đầu tư điều chỉnh; Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số 192032000108 ngày 30/6/2008 do Ban quản lý các khu công nghiệp Vĩnh Phúc cấp cho Công ty cổ phần Woodland và các Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh, Công ty được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo quy định tại Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31/7/2000 của Chính phủ do đáp ứng 2 tiêu chuẩn: (1) thuộc danh mục dự án khuyến khích đầu tư (doanh nghiệp sản xuất, chế biến xuất khẩu từ 50% sản phẩm trở lên); (2) đầu tư vào địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (Huyện Mê Linh, Tỉnh Vĩnh Phúc thuộc danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn trước khi sáp nhập vào Hà Nội); ngoài ra Công ty còn đáp ứng điều kiện là (3) dự án sản xuất trong khu công nghiệp và (4) chế biến lâm sản (trừ gỗ rừng tự nhiên trong nước). Mức ưu đãi thuế TNDN ghi trong Giấy phép đầu tư và Giấy chứng nhận đầu tư: Thuế suất thuế TNDN 10% trong 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu sản xuất kinh doanh; được miễn thuế TNDN trong 4 năm kể từ khi kinh doanh có lãi và được giảm 50% thuế TNDN trong 4 năm tiếp theo.

Theo trình bày của Công ty thì Công ty có thu nhập chịu thuế TNDN từ kỳ tính thuế năm 2005 (theo năm dương lịch), tính đến hết 31/12/2011, Công ty đã kê khai miễn thuế TNDN 4 năm (từ năm 2005 đến năm 2008), giảm thuế TNDN 3 năm (từ năm 2009 đến năm 2011).

Căn cứ các quy định trên:

Từ ngày 01/01/2012, Công ty không được hưởng ưu đãi thuế TNDN do đáp ứng tỷ lệ xuất khẩu nữa.

Các phương án ưu đãi thuế TNDN mà Công ty có thể lựa chọn do đáp ứng điều kiện ưu đãi thuế TNDN khác ngoài đáp ứng điều kiện về xuất khẩu (hoặc lựa chọn kết hợp không đồng thời, không đồng bộ ưu đãi về thuế suất và thời gian miễn, giảm thuế theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính) áp dụng kể từ ngày 01/01/2012:

a) Tại thời điểm cấp giấy phép thành lập: Căn cứ Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31/07/2000 của Chính phủ, Công ty đáp ứng điều kiện là dự án đầu tư vào địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn được ưu đãi thuế TNDN như sau: Thuế suất thuế TNDN 15% trong suốt thời gian thực hiện dự án đầu tư, miễn thuế TNDN trong 2 năm kể từ khi kinh doanh có lãi và giảm 50% thuế TNDN trong 3 năm tiếp theo theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 46 và khoản 2 Điều 48 Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31/07/2000 của Chính phủ.

b) Căn cứ Nghị định số 27/2003/NĐ-CP ngày 19/03/2003 và Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31/07/2000 của Chính phủ, Công ty đáp ứng các điều kiện:

(1) Đầu tư vào địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (Huyện Mê Linh, Tỉnh Vĩnh Phúc thuộc danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn trước khi sáp nhập vào Hà Nội);

(2) Doanh nghiệp sản xuất trong khu công nghiệp;

(3) Chế biến lâm sản (trừ gỗ rừng tự nhiên trong nước) (thuộc danh mục lĩnh vực khuyến khích đầu tư).

Công ty được ưu đãi thuế TNDN như sau: Thuế suất thuế TNDN 10% trong suốt thời gian thực hiện dự án đầu tư, miễn thuế TNDN trong 4 năm kể từ khi kinh doanh có lãi và giảm 50% thuế TNDN trong 4 năm tiếp theo theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 46, khoản 3 Điều 48 Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31/07/2000 và khoản 8 Điều 1 Nghị định số 27/2003/NĐ-CP ngày 19/03/2003 của Chính phủ.

c) Căn cứ Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 và Nghị định số 152/2004/NĐ-CP ngày 06/8/2004 của Chính phủ: Công ty đáp ứng điều kiện là dự án đầu tư sản xuất trong Khu công nghiệp được ưu đãi thuế TNDN như sau: Thuế suất thuế TNDN 15% trong 12 năm kể từ khi bắt đầu sản xuất kinh doanh, miễn thuế TNDN trong 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% thuế TNDN trong 7 năm tiếp theo theo quy định tại tiết b khoản 2 Điều 35 Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 và khoản 3, khoản 4 Điều 1 Nghị định số 152/2004/NĐ-CP ngày 06/8/2004 của Chính phủ.

d) Tại thời điểm chấm dứt ưu đãi xuất khẩu do gia nhập WTO: Căn cứ Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 và Nghị định số 122/2011/NĐ-CP ngày 27/12/2011 của Chính phủ: Công ty không đáp ứng điều kiện được ưu đãi thuế TNDN.

Trường hợp Công ty đáp ứng các điều kiện và lựa chọn mức ưu đãi theo phương án (b) nêu trên thì Công ty thực hiện thông báo với cơ quan Thuế theo hướng dẫn tại Điều 4 Thông tư số 199/2012/TT-BTC nêu trên.

Cục thuế TP Hà Nội thông báo Công ty biết để thực hiện theo đúng quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đã được trích dẫn tại văn bản này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng KT thuế số 1;
- Phòng Pháp chế;
- Lưu: VT, HT(2).

